

Di cư đóng một vai trò quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam nói chung cũng như ở các địa phương nói riêng. Và Nghệ An cũng không ngoại lệ. Di cư diễn ra khá thường xuyên dù mức độ qua các giai đoạn có sự khác nhau. Và di cư luôn có quan hệ chặt chẽ với nghèo đói và phát triển. Nghiên cứu di cư đã trở thành phổ biến ở Việt Nam trong khoảng 3 thập kỷ qua. Và việc khảo sát, nghiên cứu di cư cũng diễn ra ở khá nhiều địa phương trong cả nước và cả những nghiên cứu xuyên quốc gia. Nhưng qua quá trình tìm hiểu, chúng tôi thấy ở Nghệ An lại khá hạn chế trong việc tiếp cận vấn đề này. Thoảng đâu đó có những thông tin, những bài viết mang tính đề cập đến, vẫn còn thiếu những nghiên cứu sâu rộng về vấn đề này. Vậy nên, trong bối cảnh hiện nay, cần phải có những nghiên cứu nghiêm túc về di cư để làm nền tảng cho nhận thức cũng như cung cấp thông tin cho quá trình hoạch định chính sách phát triển.

Di cư

VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG MIỀN NÚI PHÍA TÂY NGHỆ AN

■ Trang Tuệ

1. Tình hình di cư ở Nghệ An

Cũng như các địa phương khác, di cư là tình trạng phổ biến trong lịch sử ở Nghệ An. Đến nay, lịch sử hình thành vùng miền núi và thậm chí ở miền xuôi Nghệ An đều gắn liền với sự di cư. Đó là những bộ phận dân cư từ phía Bắc di cư vào vùng miền xuôi khi nơi đây còn là miền biên viễn, hay di cư vào vùng miền núi với sự hình thành các cộng đồng dân tộc thiểu số như hiện nay. Theo các nhà dân tộc học thì hầu hết các dân tộc thiểu số ở miền núi Nghệ An đều có nguồn gốc di cư từ nơi khác đến. Nói vậy để thấy, di cư có vị thế và vai trò quan trọng trong sự hình thành và phát triển của địa phương này.

Sự di cư ở Nghệ An càng trở nên sôi động từ giữa thế kỷ XX trở lại đây. Trong đó có 5 dòng di cư chính: 1). Dòng di cư từ miền xuôi lên miền núi xây dựng kinh tế mới nửa sau thế kỷ

XX. 2). Dòng di cư của người dân tộc thiểu số từ miền núi xuống các đô thị để kiếm sống trong đó có thành phố Vinh. 3). Dòng di cư xuyên biên giới để tìm kiếm sinh kế. 4). Dòng di cư từ các vùng nông thôn đến các đô thị lớn. 5). Dòng di cư tìm kiếm đất canh tác ở miền núi. Thực tế, dòng di cư thứ 2 cũng chỉ là một phần của dòng di cư thứ 4, tức là di cư từ nông thôn đến đô thị, nhưng ở đây tôi phân thành một dòng nhằm nhấn mạnh đến vai trò của dòng này đối với phát triển miền núi. Còn dòng di cư thứ 5 thì ngày càng hạn chế hơn vì các chính sách quản lý tài nguyên lần nhân khẩu. Vậy nên, trong phần này, chúng tôi tập trung vào một số nội dung liên quan đến 3 dòng di cư còn lại.

1.1. Di cư miền xuôi lên miền núi xây dựng kinh tế mới từ giữa những năm 1950 đến những năm 1990

Ngay sau khi hòa bình lập lại, Nghệ An bắt đầu công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, cải tạo xã hội. Bên cạnh khôi phục kinh tế ở miền xuôi thì việc xây dựng các lâm trường quốc doanh để khai thác lâm nghiệp ở miền núi trở thành một vấn đề quan trọng. Cuối năm 1954 lâm trường Khe Kiền ra đời và đi vào

khai thác gỗ phục vụ xây dựng đường sắt Hà Nội - Vinh. Sang năm 1955, các lâm trường mới như Trịnh Môn, Bãi Phủ, Đông Hiếu, Tây Hiếu, Sông Con... cũng đi vào hoạt động. Tiếp theo đó là công cuộc cải cách dân chủ ở miền núi và đưa cư dân miền xuôi lên miền núi phát triển kinh tế⁽¹⁾. Để thực hiện những công việc này, nhà nước đã điều hàng ngàn cán bộ, quân nhân và dân công lên miền núi để phát triển kinh tế, mở đầu cho quá trình chuyển cư lên miền núi làm kinh tế mới.

Tháng 4/1959, Tỉnh ủy Nghệ An ra Nghị quyết đẩy mạnh phong trào xây dựng tổ đổi công và hợp tác xã, mà chủ yếu tập trung vào khu vực miền núi, kết hợp với công cuộc cải cách dân chủ ở miền núi. Đây là tiền đề quan trọng để đưa dân miền xuôi lên. Cuối năm 1959, Tỉnh ủy ra Nghị quyết về “Tăng cường lực lượng, củng cố quốc phòng an ninh”, trong đó nhấn mạnh “trọng tâm là xây dựng các nông trường phía Tây Nghệ An, do lực lượng quân đội chuyển sang làm nông cật; mở rộng mạng lưới giao thông vận tải, thông tin liên lạc giữa các vùng,

mà quan trọng nhất là tuyến đường số 7 và đường số 48...”⁽²⁾. Lực lượng quân đội chuyển sang làm lâm, nông nghiệp chủ yếu là người Kinh. Và việc mở rộng giao thông, thông tin liên lạc theo tinh thần nghị quyết cũng mở đường cho sự di dân lên miền ngược.

Tháng 8/1963, Đảng bộ Nghệ An tổ chức Đại hội lần thứ 11 ở Vinh đã thông qua những nội dung chính cho kế hoạch 5 năm lần thứ nhất cũng như việc lãnh đạo xây dựng, phát triển tỉnh nhà và phục vụ kháng chiến. Trong đó có nội dung quan trọng liên quan đến miền núi là tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Đồng bào miền xuôi tham gia phát triển kinh tế miền núi”⁽³⁾. Từ giữa những năm 1960, số lượng di cư của người Kinh lên miền núi Nghệ An tăng vọt, bao gồm cả sự di dân theo chủ trương nhà nước và di dân tự do. Tính đến năm 1978, miền núi Nghệ An (và một số ở Hà Tĩnh, khi nhập tỉnh năm 1975) chính quyền đã đưa hơn 30 vạn người miền xuôi đi khai hoang ở miền núi, xây dựng các vùng kinh tế mới. Trên đà đó, lãnh đạo tỉnh còn đưa ra kế hoạch từ năm 1979-1985 sẽ di chuyển 80 vạn người đi xây dựng các vùng kinh tế mới, trong đó có 50 vạn đi ra ngoài tỉnh mà chủ yếu là vào Tây Nguyên và 30 vạn người lên vùng miền núi nội tỉnh. Đầu năm 1979, Tỉnh ủy còn ra Nghị quyết số 169 “Về việc chuyển dân đi xây dựng vùng kinh tế mới” để tiếp tục nhìn nhận lại và thực hiện chính sách di dân lên miền núi⁽⁴⁾. Bên cạnh di dân theo chủ trương



Miền Tây Nghệ An là nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, tỉ lệ hộ nghèo cao nên tình trạng di cư phổ biến

nhà nước thì còn một số lượng lớn người Kinh từ miền xuôi di dân tự phát lên miền núi do những thiên tai lũ lụt hoặc đi tìm cuộc sống mới khó khăn hơn. Điều đó khiến cho việc thống kê số lượng người Kinh lên miền núi giai đoạn này khá khó khăn. Theo thống kê của Ban Dân tộc và miền núi Nghệ An, đến đầu những năm 1990, số lượng người Kinh ở miền núi khoảng gần 300 nghìn người và chiếm gần 50% dân số miền núi, và năm 2009 tăng lên hơn 700 nghìn người và chiếm 62% dân số miền núi (lúc này tính cả thị xã Thái Hòa và huyện Thanh Chương).

Những số liệu trên cho thấy, số lượng người Kinh hiện nay từ miền xuôi di cư lên miền núi Nghệ An vẫn tiếp tục tăng lên nhanh chóng trong giai đoạn từ giữa những năm 1960 đến nay, và họ cư trú bên cạnh các cộng đồng dân tộc thiểu số tạo nên sự cư trú xen kẽ nhiều tộc người với nhau. Nhưng phương thức sản xuất, vị thế xã hội cũng như bản sắc văn hóa của người Kinh khác nhiều so với các cộng đồng còn lại nên đã có ảnh hưởng lớn đến quá trình phát triển miền núi.

1.2. Di cư của người dân tộc thiểu số từ miền núi xuống các đô thị

Hiện nay, có hàng vạn người dân tộc thiểu số ở miền núi Nghệ An di cư đến các đô thị để đi làm, sinh sống hoặc di cư lao động theo mùa. Chưa có một số liệu chính thức được công bố nhưng đến các làng bản thì sẽ thấy hầu hết các thanh niên trong làng bản đều đi ra ngoài kiếm việc làm ở các đô thị mà người dân vẫn quen gọi là “đi làm công ty”, nghĩa là đi làm cho các công ty, doanh nghiệp ở các đô thị. Ở đây, xin thảo luận sâu thêm một chút về dòng di cư của người dân tộc thiểu số xuống Vinh làm việc.

Theo thống kê của Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An thì tính đến ngày 1/4/2019, số người dân tộc thiểu số có hộ khẩu cũng như đăng ký tạm trú tại thành phố Vinh là 2.808 người, gồm 1.058 nam và 1.750 nữ. Hầu như tất cả những phường xã ở Vinh đều có người dân tộc thiểu số sinh sống. Những người dân tộc thiểu số tập trung đông đảo ở một số phường xã như phường Hà Huy Tập 624 người, phường Trung Đô 378 người, phường Bến Thủy 221 người, phường Trường Thi 195 người, phường Hưng Dũng 195 người, phường Hưng Phúc 102 người, xã Nghi Ân 434 người, xã Hưng Lộc 163 người... Đây mới chỉ là số lượng

người dân tộc thiểu số đã có hộ khẩu hoặc đã đăng ký tạm trú tại các phường xã ở Vinh, còn một số lượng không nhỏ người dân tộc thiểu số xuống làm việc theo thời vụ hoặc dài hạn nhưng không đăng ký hộ khẩu hay tạm trú. Và trong số 2.808 người dân tộc thiểu số ở Vinh không chỉ có những người dân tộc thiểu số từ miền Tây Nghệ An xuống mà còn có người dân tộc thiểu số ở nhiều nơi khác đến.

Nguồn gốc di cư của các nhóm dân tộc thiểu số ở Vinh khá đa dạng. Nhóm đầu tiên phải kể đến là các cán bộ nhà nước ở miền núi xuống thành phố Vinh đảm nhiệm các công tác khác nhau trong bộ máy chính quyền rồi dần đưa cả gia đình về định cư tại đây. Hay các cán bộ luân chuyển lên miền núi làm việc lúc còn trẻ, họ lập gia đình với người dân tộc thiểu số sau đó đưa cả vợ con về Vinh sinh sống. Nhóm các học sinh, sinh viên xuống học ở các trường nội trú hay các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, khi tốt nghiệp thì ở lại đây làm việc và sinh sống. Nhóm thanh niên từ miền núi di cư xuống làm việc ở các địa điểm dịch vụ hay làm công nhân ở các xí nghiệp, nhà máy, công ty. Một số người dân tộc thiểu số do công việc hoặc gia đình mà di cư đến Vinh sinh sống nên số lượng chỉ có một vài người nhưng đã đăng ký hộ khẩu hoặc tạm trú nên vẫn được thống kê....

Nếu xét riêng các dân tộc thiểu số ở miền Tây Nghệ An xuống thì về cơ cấu dân tộc cũng có sự khác biệt giữa các nhóm khác nhau. Trong số những người dân tộc thiểu số ở Vinh thì người Thái là đông nhất với 1.944 người (chiếm 69,2%) gồm 700 nam và 1.244 nữ. Tiếp theo là người Mông với 267 người (chiếm 9,5%) gồm 145 nam và 122 nữ. Thứ ba là người Thổ với 262 người

(chiếm 9,3%) gồm 87 nam và 175 nữ. Thứ tư là người Khơ Mú với 86 người (chiếm 0,3%) gồm 31 nam và 55 nữ. Cuối cùng là người Ô Đu với 15 người (chiếm 0,05%) gồm 5 nam 10 nữ. Số liệu này cũng phản ánh đúng thực trạng về dân số giữa các dân tộc ở Nghệ An. Người Thái, Mông, Thổ, Khơ Mú có dân số đông hơn, đặc biệt là người Thái, trong khi đó cộng đồng Ô Đu hiện nay chỉ còn 373 người nên đương nhiên số lượng di cư đi làm việc ở Vinh cũng không thể so sánh với các dân tộc khác được. Mặt khác, nó cũng thể hiện được cá tính hướng thị của các cộng đồng người khác nhau.

1.3. Di cư xuyên biên giới ở vùng dân tộc thiểu số

Di cư xuyên biên giới là hiện tượng khá phổ biến ở vùng dân tộc thiểu số trong cả nước, đặc biệt là các địa phương có đường biên giới đất liền với các quốc gia khác. Nghệ An có một đường biên giới dài tiếp giáp với Lào, nhiều cộng đồng tộc người cũng có quan hệ nguồn gốc, văn hóa với các cộng đồng tộc người bên Lào nên việc di cư qua lại diễn ra từ lâu trong lịch sử. Nhưng ngày nay, bên cạnh việc di cư tìm đất canh tác hay di chuyển qua lại thăm hỏi chia sẻ với nhau thì còn xuất hiện dòng chảy di cư quan trọng là đi ra nước ngoài tìm kiếm con đường mở rộng sinh kế. Ở nhiều làng bản, của hầu hết các tộc người ở miền núi Nghệ An đều có các nhóm thanh niên đi xuất khẩu lao động theo những con đường khác nhau ra các nước khác kiếm sống, mà đông đảo nhất vẫn là Trung Quốc và hình thức đi chui (vượt biên trái phép) vẫn khá phổ biến. Tuy nhiên, lâu nay đề cập đến các vấn đề này chủ yếu là báo chí tiếp cận với các trường hợp cá nhân cụ thể và tiếp cận dưới góc nhìn phản ánh hiện tượng trên quan điểm về quản lý nhà nước với vấn đề nhân khẩu. Còn việc nghiên cứu một cách có hệ thống trên tinh thần khoa học và xem đây như một con đường mà người dân đã tìm cách mở rộng sinh kế để xóa đói giảm nghèo và tiếp cận phát triển thì vẫn còn rất ít.

Trong một cuộc khảo sát của chúng tôi về di cư xuyên biên giới ở xã Đôn Phục (huyện Con Cuông) cho thấy tình trạng này khá phổ biến. Ngày trước, xã Đôn Phục được biết đến là địa bàn có nhiều vụ buôn bán phụ nữ qua Trung Quốc. Nhưng hiện nay, ở xã Đôn Phục lại có nhiều phụ nữ lựa chọn qua Trung

Quốc để lấy chồng với hy vọng có cuộc sống tốt hơn. Theo thống kê của xã thì hiện tại, có 210 lao động người Đôn Phục xuất cảnh trái phép ra nước ngoài làm việc, trong đó có 91 người phụ nữ tuổi đời từ 16-45. Trong số “lao động chui” đang ở nước ngoài thì có 192 người ở Trung Quốc, chiếm hơn 91% (còn lại có 9 người đi Thái Lan, 6 người đi Lào, 2 người đi Đài Loan và 1 người đi Nhật Bản). Một điều đáng chú ý là tỷ lệ lấy chồng Trung Quốc đang tăng lên nhanh chóng. Nếu trước năm 2010 chỉ có vài trường hợp thì hiện nay cả xã có đến 20 trường hợp phần lớn tập trung ở 2 bản Hồng Thắng và Hồng Điện. Trong đó, Hồng Thắng có 10 người và Hồng Điện có 7 người. Đây là những trường hợp mà gia đình và chính quyền địa phương đã nắm được. Còn hàng chục trường hợp phụ nữ đi ra ngoài làm lâu dài mà đến gia đình cũng không biết làm ở đâu và cũng không báo với chính quyền, trong đó phần lớn là xuất khẩu lao động “chui” qua Trung Quốc. Cán bộ bản Hồng Điện cho biết, thanh niên rời khỏi bản đi làm ăn xa ít khi thông báo chính quyền hay xin giấy tạm vắng nên không nắm được cụ thể. Chỉ khi có sự cố xảy ra mới biết, còn không thì gia đình cũng giấu đi. Hiện nay, trong số 20 trường hợp lấy chồng Trung Quốc mới chỉ mới có 5 người có đến ủy ban làm thủ tục. Theo công an xã thì do việc quản lý còn nhiều hạn chế, nhất là trong việc khai tạm vắng nên số người đi xuất khẩu lao động “chui” còn khá nhiều. Người dân chỉ khai báo với xã cần giấy tờ hay hồ sơ chứng từ và công an mới nắm được cụ thể.

Nghiên cứu về di cư xuyên biên giới là vấn đề được thực hiện khá nhiều nhưng ở Nghệ An vẫn còn chưa được làm rõ. Vậy nên còn gặp nhiều khó khăn

trong việc hoạch định chính sách quản lý cũng như các chính sách an sinh xã hội cho các nhóm di cư trong dòng chảy con người này. Vậy nên, trong thời gian tới cần phải có những khảo sát cụ thể và phạm vi rộng lớn hơn để có cái nhìn toàn diện hơn về vấn đề này nhằm tìm kiếm những giải pháp phù hợp hơn.

2. Quan hệ giữa nghèo đói và di cư

Trong nghiên cứu của mình, học giả Nguyễn Văn Chính đã trình bày rõ ràng về quan hệ giữa nghèo đói và di cư. Và đây cũng là vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu trước đây đề cập đến. Nghèo đói được coi là một tác nhân quan trọng của quá trình di cư. Nó là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến quyết định di cư của con người. Nếu cuộc sống âm no, yên ổn thì chẳng mấy khi người ta lựa chọn con đường di cư vốn đầy rủi ro và nguy hiểm. Nhưng đói nghèo làm cho người ta có quá ít sự lựa chọn và di cư là một sự lựa chọn mong manh mà họ phải chấp nhận. Ở Nghệ An, những vùng nào tỷ lệ hộ nghèo cao thì có nhiều người di cư đi chỗ khác để tìm kiếm sinh kế. Và vùng dân tộc thiểu số ở miền núi là điển hình.

Vùng dân tộc thiểu số Nghệ An ở Nghệ An trải rộng trên 12 huyện thị, với 1.070 thôn, bản thuộc 129 xã. Trong đó chủ yếu tập trung nhiều ở các huyện miền núi phía Tây. Thống kê vào năm 2020 của Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An cho thấy, tổng số hộ gia đình ở các địa phương có người dân tộc thiểu số sinh sống là 160.128 hộ, trong đó có 108.299 hộ gia đình người dân tộc thiểu số sinh sống xen kẽ với các hộ người Kinh. Tổng số hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số là 30.110 hộ, chiếm tỷ lệ là 18,8%, cao gấp 4,6 lần so với tỷ lệ đói nghèo trung bình cả tỉnh là 4,1%. Trong đó, số hộ nghèo là người dân tộc thiểu số ở vùng dân tộc thiểu số chiếm đến 93,3%, một tỷ lệ cao so với nhiều vùng khác. Tỷ lệ hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số ở các huyện thị cũng khác nhau. Tỷ lệ hộ nghèo người dân tộc thiểu số cao nhất ở các huyện vùng núi cao như Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong với trên 98%, trong đó Kỳ Sơn gần như là tuyệt đối. Tỷ lệ thấp nhất là Thị xã Thái Hòa với hơn 43%.

Tình hình nghèo đói các địa phương vùng dân tộc thiểu số ở các huyện thuộc tỉnh Nghệ An

Huyện	Tổng số hộ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ	Số hộ nghèo người DTTS	Tỷ lệ (%)
Kỳ Sơn	16.250	7.493	46,11	7.492	99,99
Tương Dương	18.038	4.319	23,94	4.269	98,84
Quế Phong	15.943	4.223	26,49	4.147	98,2
Quỳ Châu	14.626	3.608	24,69	3.331	92,32
Con Cuông	16.727	3.163	18,91	3.012	95,23
Quỳ Hợp	26.785	3.845	14,36	3.366	87,54
Nghĩa Đàn	19.880	928	4,69	623	67,13
Tân Kỳ	18.631	978	5,25	578	59,1
Anh Sơn	4.138	220	5,32	121	55,0
Thanh Chương	2.737	1.200	43,84	1.064	88,67
Thái Hoà	5.324	78	1,47	34	43,59
Quỳnh Lưu	1.049	55	5,24	44	80,0

(Thống kê của Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An, 2020)

Khi khảo sát ở xã Đôn Phục, chúng tôi thấy rằng những người di cư xuyên biên giới phần lớn thuộc hộ nghèo (trừ vài người thuộc gia đình có điều kiện khá giả và họ đi xuất khẩu lao động qua Nhật Bản, Đài Loan theo diện qua công ty môi giới lao động). Lãnh đạo xã Đôn Phục cho rằng có nhiều nguyên nhân khiến người dân đi và lấy chồng Trung Quốc nhiều như vậy. Trong đó có sự khó khăn về đời sống kinh tế và thiếu công ăn việc làm cho người dân. Hai bản có nhiều người di cư xuyên biên giới nhất là Hồng Điện và Hồng Thắng lại là hai bản có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất xã. Bản Hồng Điện có 121 hộ gia đình thì có 53 hộ nghèo và 26 hộ cận nghèo (chiếm 65,3%). Còn Hồng Thắng có 146 hộ thì có 54 hộ nghèo và 43 hộ cận nghèo (chiếm 66,3%). Vậy nên việc di cư với mong muốn xóa đói, giảm nghèo cũng là điều dễ hiểu. Ai cũng mong muốn có cuộc sống tốt hơn. Người đi trước về lại truyền cho nhau về cuộc sống bên đó và rủ rê người thân, bạn bè tiếp tục qua đó. Tuy nhiên, theo phản ánh lại từ các gia đình trong bản thì số người gặp được may mắn có cuộc sống ổn định là khá ít, còn phần lớn thì gặp khó khăn, có khi bỏ về lại quê hương sinh sống, có khi bỏ về nơi khác sinh sống.

Phỏng vấn những người dân tộc thiểu số di cư xuống Vinh kiếm sống, chúng tôi cũng nhận thấy điều đó. Đối tượng di cư xuống Vinh khá đa dạng và làm việc ở nhiều lĩnh vực khác nhau, nhưng tập trung đông nhất là làm phục vụ ở các cơ sở kinh doanh, làm công nhân ở các xí nghiệp và làm việc ở một số cơ quan nhà nước. Đông nhất là làm nhân viên phục vụ ở các nhà hàng, khách sạn, quán karaoke, dịch vụ làm đẹp... Qua các mạng lưới xã hội khác nhau mà họ di cư một cách có chủ đích để tìm kiếm công việc phù hợp. Phần lớn những người được phỏng vấn đều có hoàn cảnh khá giống nhau là gia đình nghèo, đông con nên học hết lớp chỉ học hết tiểu học hoặc trung học cơ sở thì giúp mẹ làm nương rẫy rồi sau đó đi xuống Vinh để tìm kiếm việc làm phụ giúp cho gia đình thông qua mối quan hệ với người trong bản. Chỉ có một số rất ít thuộc diện gia đình khá giả hơn xuống Vinh tìm kiếm cơ hội buôn bán với một khoản vốn nhất định, còn lại họ đi xuống Vinh với mong muốn tìm kiếm thêm một khoản tiền để hỗ trợ gia đình hàng tháng.

3. Quan hệ giữa di cư và phát triển

Di cư luôn được thúc đẩy bởi động lực, mục tiêu là phát triển. Hầu như mọi người di cư đều mong muốn tìm kiếm cơ hội để phát triển. Trong di cư tự giác, các chính sách di cư của nhà nước cũng hướng đến sự phát triển như một mục tiêu quan trọng bậc nhất. Việc di cư đi xây dựng kinh tế mới bằng cách đưa hàng triệu người dân miền xuôi lên miền ngược là một tham vọng của nhà nước trong giai đoạn đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội để phát triển đất nước thông qua sự điều chỉnh các nguồn lực phát triển mà ở đây là nguồn lực con người. Và trong sự di cư tự phát, các hộ gia đình hay cá nhân khi quyết định di chuyển đi đến nơi khác để tìm kiếm sinh kế cũng nhằm mục tiêu phát triển.

Kết quả của di cư cũng là sự phát triển, dù mức độ, hiệu quả của sự di cư cần phải xem xét trên nhiều phương diện khác nhau và không phải khi nào người ta cũng đạt được mục tiêu. Ví dụ như công cuộc di cư đi làm kinh tế mới ở nửa sau thế kỷ trước đã đạt được một số thành tựu quan trọng trong phát triển nhưng cũng để lại những hệ quả to lớn cho chính sự phát triển về sau này. Rồi sự di cư xuyên biên giới hiện nay, nếu nhìn vào việc quản lý nhân khẩu thì thấy họ đã vi phạm pháp luật khi “đi chui”, hay tạo ra hệ lụy tiêu cực, nhưng thực tế thì khoản tiền họ kiếm được trong việc di cư đó đã có vai trò rất lớn trong chiến lược phát triển của gia đình. Cũng vì nó có vai trò quan trọng nên người ta chấp nhận các rủi ro để di cư. Và ở hầu hết các dòng di cư khác, đều mang lại những nguồn lực quan trọng cho quá trình phát triển. Những nguồn tiền kiếm được ở chỗ di cư đến đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng sinh kế, xóa đói giảm nghèo, tái đầu tư phát triển kinh tế gia

đình ở quê hương của họ. Đương nhiên, bất cứ cái gì cũng có những hệ lụy kèm theo của nó, nhưng xét cho di cư là một con đường để người ta kiến tạo cuộc sống của họ và gia đình. Như Nguyễn Văn Chính đã nhận xét “di cư bất luận dưới hình thức nào đều có thể coi là một chiến lược sinh tồn của người lao động nhằm thay đổi điều kiện sống, cải thiện thu nhập hộ gia đình và là một chỉ báo để hiểu được đổi thay của xã hội, do đó cần được nhìn nhận như một động thái tích cực”⁽⁶⁾.

4. Kết luận

Di cư là vấn đề quan trọng và cần phải được tìm hiểu nghiêm túc. Tốt nhất chúng ta nên vận dụng, tham khảo các nghiên cứu của các học giả đi trước về vấn đề này để tìm cách tiếp cận cả về lý luận cũng như thực tiễn cho Nghệ An. Trong nhiều tài liệu về di cư, có thể kể đến một công trình mới xuất bản cuối năm 2021 của PGS.TS Nguyễn Văn Chính, một học giả nổi tiếng trong lĩnh vực Nhân học ở Việt Nam và trên trường quốc tế. Đó là cuốn sách “Di cư, nghèo đói và phát triển” (Nxb Khoa học Xã hội, tháng 12/2021). Đây là một công trình được hình thành, đúc kết từ cả quá trình nghiên cứu, giảng dạy và đào tạo trong nhiều thập kỷ của tác giả với một vấn đề rất quan trọng và vô cùng thú vị là di cư. Cuốn sách này gợi mở ra cho người đọc nhiều vấn đề từ nhận thức đến quản lý, từ lý luận đến thực tiễn. Và quá trình thẩm thấu cuốn sách cũng giúp chúng tôi có cái nhìn khác hơn, quan tâm nhiều hơn đến vấn đề di cư ở Nghệ An. Nó gợi mở một vài ý cho việc quan tâm, nghiên cứu đến vấn đề di cư ở Nghệ An một cách có hệ thống và toàn diện hơn.

Di cư gắn liền với nghèo đói và phát triển. Vùng dân tộc thiểu số Nghệ An là khu vực rộng lớn có nhiều

tộc người sinh sống. Đặc điểm chung ở đây là đời sống người dân còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Vậy nên, di cư vẫn là một tình trạng phổ biến, chủ yếu là di cư đến các đô thị hay di cư xuyên biên giới để tìm kiếm kế sinh nhai. Người di cư để tìm kiếm cơ hội phát triển. Và khi có điều kiện hơn, có thêm thu nhập thì họ tái đầu tư để phát triển kinh tế gia đình ở quê nhà. Nghèo đói là nguyên nhân, là động lực để người ta di cư đi tìm công việc, cuộc sống tốt hơn, thì phát triển cũng là động lực, là mục tiêu mà người ta di cư. Di cư vừa để giải quyết vấn đề nghèo đói, vừa để tìm kiếm cơ hội phát triển. Như Nguyễn Văn Chính đã nhấn mạnh: “Di cư là một phần không thể tách rời của phát triển, nhưng nó cũng tạo ra những tác động tiêu cực đối với hệ sinh thái tự nhiên và sinh thái nhân văn, đặc biệt là tình trạng cạnh tranh giữa người di cư với người địa phương, trong việc khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, dịch vụ xã hội và nhà ở, do đó dễ làm nảy sinh xung đột giữa người di cư với dân sở tại. Các giải pháp can thiệp một mặt cần chú ý hài hòa lợi ích thay vì áp đặt, đồng thời lưu ý các giải pháp về an sinh xã hội cho người di cư, trong đó có dịch vụ y tế, giáo dục, nhà ở và ngân hàng xã hội để người di cư có thể tham gia tích cực vào cuộc sống của cộng đồng địa phương”⁽⁷⁾./.

Chú thích:

(1), (2), (3), (4). UBND tỉnh Nghệ An (1999), *Lịch sử Đảng bộ Nghệ An*, tập II (1954-1975), Nxb Nghệ An, trang 45; 73, 113, 41-43.

(5) Nguyễn Đình Lộc (2009), *Các dân tộc thiểu số ở Nghệ An*, Nxb Nghệ An, trang 112.

(6), (7) Nguyễn Văn Chính (2021), *Di cư, nghèo đói và phát triển*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, trang 422; 423-424.